TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **201**/2026/QĐST - DS	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 1511/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Việt Nam T**.

Địa chỉ: 89 L, phường Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Võ Minh K,** sinh năm 1996 (Giấy uỷ quyền số 14003/2025/UQ-VPB ngày 06/8/2025).

Địa chỉ: Số 96 C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: **Ông Lê Văn H**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: B, ấp AB, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền nợ: Ông Lê Văn H xác nhận còn nợ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T tổng số tiền là 174.799.425 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng); Trong đó: tổng nợ gốc là: 137.359.992 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi hai đồng); tổng nợ lãi: 37.439.433 đồng (ba mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi chín

nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng). Cụ thể:

Đối với Hợp đồng cho vay số LD2427501613 ngày 01/10/2024 ông H xác nhận còn nợ tổng số tiền: 60.538.149 đồng (sáu mươi triệu năm trăm ba mươi tám nghìn một trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó nợ gốc: 46.720.310 đồng (bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn ba trăm mười đồng), tiền lãi: 13.817.839 đồng (mười ba triệu tám trăm mười bảy nghìn tám trăm ba mươi chín đồng).

Đối với Hợp đồng Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử số DSA/VN0010325/2023 ngày 12/01/2024 ông H xác nhận còn nợ tổng số tiền: 44.597.941 đồng (bốn mươi bốn triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi mốt đồng). Trong đó nợ gốc: 35.168.855 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng); tiền lãi: 9.429.086 đồng (chín triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn không trăm tám mươi sáu đồng).

Đối với Hợp đồng Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử số DSA/VN0010325/202206/661502 ngày 15/6/2022 ông H xác nhận còn nợ tổng số tiền: 69.663.335 đồng (sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 55.470.827 đồng (năm mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng), tiền lãi: 14.192.508 đồng (mười bốn triệu một trăm chín mươi hai nghìn năm trăm lẻ tám đồng).

Ông Lê Văn H đồng ý hoàn trả toàn bộ số tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

2.2 Về phương thức trả nợ: Ông Lê Văn H cam kết trả một lần toàn bộ số tiền nêu trên vào ngày 27/02/2026.

2.3 Lãi suất phát sinh: Kể từ ngày 24/01/2026 ông Lê Văn H còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T tiền lãi chậm trả phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết.

2.4 Về án phí: Ông Lê Văn H tự nguyện chịu số tiền 4.369.986 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.871.038 đồng (ba triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn không trăm ba mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032462 ngày

29/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự (03);
- VKSND Tp.HCM (01);
- VKSND KV10- Tp.HCM (01);
- THADS Tp.HCM (01);
- Lưu hồ sơ vụ án (05).

THẨM PHÁN

Châu Nguyễn Thanh Thảo